

Bản án số: 266/2025/HSST

Ngày 27 tháng 11 năm 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đặng Thị Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. *Bà Lê Thanh Ngọc – Giáo viên*

2. *Bà Lại Thị Diễm – Giáo viên*

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Trần Quốc Trung** – Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Triệu Hoàng Lan Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 218/2025/HSST ngày 31/10/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2025/QĐXXST – HS ngày 12/11/2025, đối với các bị cáo:

1. **Vi Văn T** - Sinh ngày: 01/01/2009; Giới tính: nam (**phạm tội khi 16 tuổi 5 tháng 13 ngày**); Nơi ĐKTT: Thôn M, xã X, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: lang thang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 3/12; Con ông: Vi Văn N - sinh năm 1986; Con bà: Vũ Thị N1 - sinh năm 1988; A, chị, em ruột: Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có; Tiền án tiền sự: Không; D chỉ bản số: 000004471, lập ngày 18/9/2025, tại Trại giam S (PC11A), Công an thành phố H; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/9/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H.

Người đại diện của bị cáo Vi Văn T: Ông Vi Văn N, sinh năm 1986; Nơi thường trú: Thôn M, xã X, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn T: Bà Nguyễn Bích H – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H. Có mặt.

2. **Trần Đình H1** - Sinh năm 1978; Giới tính: nam; Nơi ĐKTT: Thôn C, xã L, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở: số E ngõ A K, phường K, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 5/12; Con ông: Trần Đình H2 - sinh năm 1956; Con bà: Hoàng Thị H3 - sinh năm 1958; A, chị, em ruột: Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1983; Con: có 02 con sinh năm 2002 và 2008; Tiền án tiền sự: Không; D chỉ bản số: 000001424,

lập ngày 16/10/2025, tại PC01, Công an thành phố H; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1997, trú tại thôn P, xã D, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1989, trú tại khu C, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 19/6/2025, anh Nguyễn Xuân P (sinh năm 1997, trú tại thôn P, xã D, Hà Nội) đến Công an phường N trình báo về việc bị mất trộm tài sản tại ghế nghỉ đối diện phòng siêu âm 102 nhà C Bệnh viện P1. Công an phường N đã tiếp nhận và tổ chức xác minh ban đầu, đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày đã đưa Vi Văn T về trụ sở để làm rõ sự việc.

Tại cơ quan điều tra, Vi Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. T khai: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 19/6/2025, T đi bộ vào trong Bệnh viện P1 - địa chỉ số I phố L, phường L, Hà Nội, mục đích để trộm cắp tài sản. T đi đến khu vực Phòng siêu âm 102 nhà C thì phát hiện anh Nguyễn Xuân P (sinh năm 1997, trú tại thôn P, xã D, Hà Nội) đang ngủ ở hàng ghế đối diện, dưới chân để một túi xách nhỏ màu đen. Lợi dụng anh P cùng mọi người xung quanh đang ngủ nên T đi đến gần và dùng tay phải lấy chiếc túi xách rồi đi ra khu vực cầu thang tầng 2 tòa nhà. Tại đây, T mở túi kiểm tra thấy có một chiếc điện thoại di động Iphone 15 Plus màu xanh. T lấy điện thoại cất giấu vào trong người, vứt lại túi tại cầu thang rồi bỏ đi ra ngoài Bệnh viện. Sau đó, T đi đến quán G ở địa chỉ I L, phường L, Hà Nội để chơi. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, Cơ quan công an đưa T cùng tang vật về trụ sở để làm việc. T đã giao nộp chiếc điện thoại Iphone 15 Plus màu xanh cho cơ quan công an.

Quá trình đấu tranh, T khai nhận còn thực hiện một vụ trộm cắp tài sản khác tại Bệnh viện P1 trước đó, cụ thể: Vào khoảng 02 giờ ngày 14/6/2025, T đi bộ vào trong Bệnh viện P1, mục đích để trộm cắp tài sản. T đi lên tầng 4 nhà A thì phát hiện chị Hoàng Thị L (sinh năm 1989, trú tại khu C, xã T, tỉnh Phú Thọ) đang nằm ngủ trước cửa phòng 405, bên cạnh có một túi xách giả da nữ màu đen. T đã tiến lại gần lấy chiếc túi của chị L rồi đi ra cầu thang lối từ tầng 4 xuống tầng 3. Tại đây, T kiểm tra túi thấy bên trong có một số giấy tờ cá nhân và 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS max màu vàng có ốp lưng màu tím, bên trong ốp có 1.000.000 đồng (*gồm 2 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng*). T lấy tiền và điện thoại, vứt lại túi xách vào thùng rác ở cầu thang rồi bỏ đi ra ngoài. Khoảng 03 giờ cùng ngày, chị L ngủ dậy phát hiện bị mất túi xách nên

đã đến công an phường N trình báo sự việc. Sau đó, chị L về Bệnh viện thì tìm được túi xách tại thùng rác cầu thang giữa tầng 2 và tầng 3 Khoa A2 của bệnh viện. Đến trưa ngày 14/6/2025, T đi đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại tại số 1 đường Đ, phường L, Hà Nội gặp Trần Đình H1 và bán chiếc điện thoại Iphone XS max màu vàng với giá 500.000 đồng. Toàn bộ số tiền **1.500.000 đồng** T đã ăn tiêu hết. (Bút lục 65 – 79)

Tại cơ quan điều tra, Trần Đình H1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. H1 khai khoảng trưa ngày 14/6/2025, H1 đang ở cửa hàng mua bán sửa chữa điện thoại cũ của mình tại địa chỉ số 1 Đê L thì Vi Văn T mang 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS max màu vàng đến bán. T nói với H1 muốn bán máy với giá 500.000 đồng. Hòa kiểm tra thì thấy máy có mặt khóa nhưng T không cung cấp được mặt khóa máy, lại muốn bán với giá rẻ hơn so với thị trường (giá thị trường khoảng 4.000.000 đồng) nên H1 nghĩ chiếc điện thoại của T là do trộm cắp được mà có. Tuy nhiên, do háo hức nên H1 vẫn mua. Sau khi mua điện thoại, H1 cất máy tại cửa hàng để khi có khách cần thay linh kiện H1 sẽ tháo linh kiện thay cho khách kiếm lợi. Đến trưa ngày 19/6/2025, Công an phường N mời H1 đến làm việc. H1 đã giao nộp chiếc điện thoại di động Iphone XS max cho cơ quan công an. (Bút lục 98 - 120)

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 573/KL-HĐDGTS ngày 31/7/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - UBND thành phố H, kết luận:

- Giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, đã qua sử dụng, có số Imei: 357272092629207, tại thời điểm tháng 06/2025 là: 4.000.000 đồng;
- Giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Plus màu xanh, đã qua sử dụng, có số Imei: 350686381709502, tại thời điểm tháng 06/2025 là: 15.000.000 đồng;
- Giá trị 01 (một) túi xách đeo chéo màu đen không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng, có số Imei: 350686381709502, tại thời điểm tháng 06/2025 là: 50.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà T đã trộm cắp được là **20.050.000 đồng**.

Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan Công an đã thu giữ những đồ vật, tài sản gồm:

- Thu giữ của Vi Văn T: 01 điện thoại di động Iphone 15 plus màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI: 350686381709502.
- Thu giữ của Trần Đình H1: 01 điện thoại di động Iphone XS max màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 357272092629207.

Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh Nguyễn Xuân P 01 chiếc điện thoại di động Iphone 15 plus màu xanh. Anh P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với chiếc túi xách giả da nữ màu đen và số tiền 1.000.000 đồng mà tài trộm cắp của L, do đã qua sử dụng nên chị L đề nghị cơ quan điều tra không định giá tài sản

đối với chiếc túi này. Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị Hoàng Thị L 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS max màu vàng. Chị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Cáo trạng số 21/CT-VKSĐĐ ngày 28/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội đã truy tố Vi Văn Tài về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Truy tố Trần Đình H1 tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

*** Tại phiên tòa**, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 119 và Khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt: Vi Văn T từ 06 đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Đình H1 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là 12 đến 18 tháng.

- Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

*** Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự

Buộc bị cáo Vi Văn T phải truy nộp số tiền 1.500.000 đồng thu lời bất chính để nộp ngân sách nhà nước.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Anh Nguyễn Xuân P và chị Hoàng Thị L không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn T có ý kiến: Bị cáo là người dân tộc, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình bố mẹ ly hôn, bị cáo sống với mẹ hiện mẹ bị cáo ở đâu không biết nên bị cáo phải sống lang thang, bản thân bị cáo đã nhận ra hành vi của bị cáo là sai, bị cáo là vị thành niên, mới học hết lớp 3 nên hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và Luật tư pháp người chưa thành niên để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo Vi Văn T nhất trí với bản bào chữa của người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Đình H1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn hối cải và không có ý kiến bào chữa cho mình cũng như không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Vi Văn T, Trần Đình H1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được trong vụ án. Kết quả định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định:

Ngày 14/6/2025, tại tầng 4 nhà A Bệnh viện P1, Vi Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản (gồm 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng và 1.000.000 đồng) của chị Hoàng Thị L (sinh năm 1989, trú tại khu C, xã T, tỉnh Phú Thọ), tài sản trị giá 5.000.000 đồng.

Ngày 19/6/2025, tại Phòng siêu âm 102 nhà C bệnh viện P1, Vi Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản (gồm 01 chiếc điện thoại di động Iphone 15 Plus màu xanh, 01 túi đeo chéo màu đen) của anh Nguyễn Xuân P (sinh năm 1997, trú tại thôn P, xã D, Hà Nội), tài sản trị giá 15.050.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị cáo Vi Văn T đã trộm cắp trong ngày 14/6/2025 và 19/6/2025 là **20.050.000 (Bằng chữ: Hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng**.

Ngày 14/6/2025, tại số I Đê L, phường L, Hà Nội, Trần Đình H1 mặc dù biết rõ tài sản là do T trộm cắp được mà có nhưng vẫn mua 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max màu vàng của Vi Văn T. Trị giá tài sản là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.

[3]. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Vi Văn T đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội truy tố bị cáo Vi Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi biết rõ là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên bị cáo Trần Đình H1 vẫn mua để bán lại hưởng chênh lệch, hành vi của bị cáo Trần Đình H1 đã phạm vào tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội truy tố

Trần Đình H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an. Hành vi của bị cáo Vi Văn T đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo Trần Đình H1 đã xâm phạm trật tự công cộng. Bị cáo Vi Văn T lợi dụng sự sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo là cố ý vì vậy cần phải có biện pháp xử lý thích đáng cách ly bị cáo một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo H1 biết rõ tài sản mà bị cáo T bán cho mình là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên vẫn mua, hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý. Tuy nhiên xét bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

* Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Vi Văn T: Trong thời gian ngắn từ ngày 14 đến ngày 19/6, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (phạm tội hai lần).

Bị cáo Trần Đình H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Vi Văn T thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, là người dân tộc sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên cho bị cáo tài hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Đình H1, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo phải chịu thêm hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Song xét các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, vì vậy, miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

[5]. **Về xử lý vật chứng:** Không.

Buộc bị cáo Vi Văn T phải truy nộp lại số tiền 1.500.000 đồng hưởng lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

[6]- **Về trách nhiệm dân sự:** Anh Nguyễn Xuân P và chị Hoàng Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

[7]. Các bị cáo Vi Văn T và Trần Đình H1 phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo vi Văn T, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Vi Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo **Trần Đình H1** phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Vi Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/9/2025.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Đình H1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

Giao bị cáo Trần Đình H1 cho UBND phường K, Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của bản án. Gia đình bị cáo H1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường U, Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Trần Đình H1.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nêu trên, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ: - Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về xử lý vật chứng: Buộc bị cáo Vi Văn T phải truy nộp số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Xuân P và chị Hoàng Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

- Bị cáo Vi Văn T và bị cáo Trần Đình H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo, đại diện của bị cáo Vi Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát khu vực 2 – Hà Nội;
- Phòng thi hành án khu vực 2 – Hà Nội;
- Bị cáo; Bị hại.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương